

KẾ HOẠCH

Tình giản biên chế công chức, viên chức giai đoạn 2018-2021 của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 07-KH/TU ngày 10/3/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Công văn số 6480/BNV-TCBC ngày 11/12/2017 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2018 của tỉnh Đắk Lắk;

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tinh giản biên chế công chức, viên chức giai đoạn 2018-2021; cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự; xác định chức năng, nhiệm vụ nhằm xây dựng tổ chức, bộ máy gọn nhẹ, hợp lý và hiệu quả;

- Rà soát trình độ đào tạo, năng lực của cán bộ, công chức, viên chức để có kế hoạch sắp xếp, bố trí, sử dụng phù hợp với vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ;

- Từng bước tinh giản biên chế đối với những cán bộ, công chức, viên chức không đủ tiêu chuẩn, điều kiện về chuyên môn, nghiệp vụ, sức khỏe và phẩm chất đạo đức;

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong quá trình thực hiện tinh giản biên chế;

- Việc tinh giản biên chế phải đảm bảo nguyên tắc tập trung, dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, theo quy định của pháp luật và được sự đồng thuận của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị;

- Việc tinh giản biên chế phải đi đôi với việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng không xác định thời hạn trong các cơ quan, đơn vị gắn với xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức;

- Tỷ lệ tinh giản biên chế phải được xác định cụ thể đối với từng cơ quan, đơn vị, phù hợp với thực tế về số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Phần đầu đến năm 2021 toàn tỉnh tinh giản biên chế đạt tối thiểu 10% trên tổng biên chế được giao năm 2015.

II. SỐ LƯỢNG BIÊN CHẾ TINH GIẢN GIAI ĐOẠN 2018-2021

1. Tổng số biên chế công chức, viên chức tinh giản giai đoạn 2018-2021 thuộc các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh là: 3.707 biên chế, trong đó:

- Biên chế công chức: 227 biên chế, chiếm tỷ lệ 7,1% trên tổng số biên chế được giao năm 2015.

- Biên chế viên chức: 3.480 biên chế, chiếm tỷ lệ 8,3% trên tổng số biên chế được giao năm 2015.

(Có bảng tổng hợp tinh giản biên chế giai đoạn 2018-2021 kèm theo)

2. Đối với 112 biên chế của các Hội có tính đặc thù hoạt động trong phạm vi của tỉnh: giai đoạn 2018-2021, tách ra khỏi tổng số biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh và thực hiện tinh giản theo Công văn số 6480/BNV-TCBC ngày 11/12/2017 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2018 của tỉnh Đắk Lắk.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh:

a) Căn cứ vào Đề án tinh giản biên chế và Kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2018-2021 đã được thẩm định, các cơ quan, đơn vị tiến hành xây dựng kế hoạch chi tiết theo từng năm để triển khai thực hiện tinh giản biên chế đạt chỉ tiêu, kế hoạch đề ra. Việc tinh giản biên chế được thực hiện từ các nguồn sau:

- Các trường hợp theo Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, ngày 20/11/2014 của Chính phủ.

- Nghỉ hưu, nghỉ thôi việc theo quy định.

- Và các trường hợp nghỉ việc khác theo quy định.

b) Tổ chức họp Hội đồng xét duyệt, tổng hợp danh sách các trường hợp đủ điều kiện và lập danh sách, dự toán số tiền trợ cấp và hồ sơ, thủ tục của từng đối tượng tinh giản biên chế đề nghị Sở Nội vụ, Sở Tài chính thẩm định và trình

UBND tỉnh phê duyệt. Hồ sơ, thủ tục theo quy định tại Kế hoạch số 4345/KH-UBND ngày 22/6/2015 của UBND tỉnh.

c) Tập trung xây dựng và hoàn thiện đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, nghề nghiệp, khung năng lực từng vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập làm cơ sở sắp xếp đội ngũ viên chức theo hướng tinh giản, gọn nhẹ và nâng cao chất lượng.

d) Đẩy mạnh thực hiện việc đánh giá, phân loại viên chức hằng năm; việc đánh giá, phân loại phải căn cứ vào kết quả, hiệu quả hoạt động và công tác của cơ quan, đơn vị và viên chức, người lao động. Qua đánh giá để lựa chọn những công chức, viên chức có đủ năng lực, trình độ, phẩm chất và hằng năm luôn hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao để giữ lại làm việc ổn định, lâu dài. Đồng thời thực hiện việc tinh giản biên chế đối với những công chức, viên chức không đủ tiêu chuẩn, điều kiện về chuyên môn, nghiệp vụ, sức khỏe, phẩm chất đạo đức và hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ.

e) Đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Chương trình Hành động của Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp.

g) Tiếp tục đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, nhân sự theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định về cơ chế tự chủ trong đơn vị sự nghiệp công lập

h) Hằng năm, trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có sự thay đổi chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, bộ máy, nhân sự và biên chế được giao thì cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng Đề án điều chỉnh và Tờ trình đề nghị UBND tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định, xét duyệt, lập danh sách các đối tượng tinh giản biên chế, dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế của tỉnh đề nghị UBND tỉnh trình Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính theo quy định.

- Tham mưu UBND tỉnh thực hiện việc quản lý và sử dụng biên chế đã thực hiện tinh giản và biên chế cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đã giải quyết nghỉ hưu đúng tuổi hoặc thôi việc theo quy định pháp luật.

- Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tách 112 biên chế của Hội có tính đặc thù hoạt động trong phạm vi của tỉnh thành một mục riêng về biên chế của hội để quản lý phù hợp với quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ.

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch này và định kỳ 6 tháng báo cáo UBND tỉnh để chỉ đạo.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm:

- Thẩm tra việc tính toán chế độ chính sách, dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế của các cơ quan, đơn vị, địa phương trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh trong việc sử dụng nguồn ngân sách địa phương để đảm bảo thực hiện chính sách tinh giản biên chế của tỉnh.

- Tổng hợp tham mưu UBND tỉnh đề nghị Bộ Tài chính bố trí kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện tinh giản biên chế giai đoạn 2018-2021; yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong trường hợp phát hiện nội dung chưa chính xác, chưa đầy đủ, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan khẩn trương báo cáo, giải trình với UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) trước ngày 15/3/2018; Sở Nội vụ tham mưu với UBND tỉnh trước ngày 20/3/2018 để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền. /

Nơi nhận

- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh;
- Lưu: VT, TH (HT-62b), HERE (at usd).

CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH GIẢM BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC GIAI ĐOẠN 2018-2021Ban hành kèm theo Kế hoạch số *1874/KH-UBND* ngày *13/3/2018* của UBND tỉnh

Stt	Cơ quan, đơn vị	Biên chế giao 2015	Biên chế giao 2017	Biên chế phải tinh giảm 10% so với biên chế giao năm 2015	Số biên chế đã tinh giảm giai đoạn 2015-2017		Biên chế tinh giảm giai đoạn 2018-2021						Ghi chú
					Tổng số	Tỷ lệ	2018	2019	2020	2021	Tổng số	Tỷ lệ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng	3218	3126	322	95	3.0%	59	46	62	60	227	7.1%	
I	Sở, ban, ngành	1591	1541	159	53	3.3%	29	20	32	25	106	6.7%	
1	Sở Giao thông Vận tải	48	46	5	2	4.2%		1	1	1	3	6.3%	
2	Sở Xây dựng	83	81	8	2	2.4%	1	1	2	2	6	7.2%	
3	Sở Tài nguyên và Môi trường	71	68	7	3	4.2%	1	1	1	1	4	5.6%	
4	Sở Tài chính	79	77	8	2	2.5%	3	1	1	1	6	7.6%	
5	Sở Kế hoạch & Đầu tư	57	54	6	3	5.3%			2	1	3	5.3%	
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	62	59	6	3	4.8%	1	1		1	3	4.8%	
7	Sở Tư pháp	52	46	5	2	3.8%	1		1	1	3	5.8%	Chuyển 04 về Văn phòng UBND tỉnh
8	Sở Công thương	115	111	12	4	3.5%	2	2	2	2	8	7.0%	
9	Sở Khoa học và Công nghệ	38	36	4	2	5.3%	1	1			2	5.3%	
10	Sở Lao động TB&XH	61	62	6	1	1.6%	2	2	1		5	8.2%	Tiếp nhận 02 biên chế từ Sở Giáo dục & Đào tạo
11	Sở Nông nghiệp và PTNT	442	426	44	16	3.6%	6	7	7	8	28	6.3%	

Stt	Cơ quan, đơn vị	Biên chế giao 2015	Biên chế giao 2017	Biên chế phải tinh giảm 10% so với biên chế giao năm 2015	Số biên chế đã tinh giảm giai đoạn 2015-2017		Biên chế tinh giảm giai đoạn 2018-2021						Ghi chú
					Tổng số	Tỷ lệ	2018	2019	2020	2021	Tổng số	Tỷ lệ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
12	Sở Y tế	80	77	8	3	3.8%	2		3		5	6.3%	
13	Sở Giáo dục & Đào tạo	63	58	6	3	4.8%		1	1	1	3	4.8%	Chuyển 02 về Sở Lao động TBXH
14	Sở Nội Vụ	83	79	8	3	3.6%			2		5	6.0%	Chuyển 01 về VP UBND tỉnh
15	Sở Thông tin truyền thông	36	35	4	1	2.8%	1			2	3	8.3%	
16	Văn phòng HĐND tỉnh	34	36	3	0	0.0%	1		1	1	3	8.8%	
17	Văn phòng UBND tỉnh	75	79	8	1	1.3%	1	1	4	1	7	9.3%	Tiếp nhận 04 từ Sở Tư pháp và 01 từ Sở Nội vụ
18	Sở Ngoại vụ	23	23	2	0	0.0%	1		1		2	8.7%	
19	Thanh tra tỉnh	48	46	5	2	4.2%	1		1	1	3	6.3%	
20	Ban Dân tộc	23	23	2	0	0.0%	1		1		2	8.7%	
21	BQL các KCN tỉnh	18	19	2	0	0.0%	1			1	2	11.1%	
II	Huyện, thị xã, thành phố	1627	1585	163	42	2.6%	30	26	30	35	121	7.4%	
1	UBND TP. Buôn Ma thuật	143	139	14	4	2.8%	4	2	2	2	10	7.0%	
2	UBND TX. Buôn Hồ	106	102	11	4	3.8%	1	1	2	3	7	6.6%	
3	UBND huyện Krông Pắc	112	107	11	5	4.5%	1	2	1	2	6	5.4%	
4	UBND huyện Cư Kuin	107	104	11	3	2.8%		2	3	3	8	7.5%	
5	UBND huyện Lắk	100	100	10	0	0.0%	3	2	3	2	10	10.0%	
6	UBND huyện Ea H'Leo	109	105	11	4	3.7%	2	1	2	2	7	6.4%	
7	UBND huyện Krông Bông	104	101	10	3	2.9%	2	2	1	2	7	6.7%	

Stt	Cơ quan, đơn vị	Biên chế giao 2015	Biên chế giao 2017	Biên chế phải tinh giảm 10% so với biên chế giao năm 2015	Số biên chế đã tinh giảm giai đoạn 2015-2017		Biên chế tinh giảm giai đoạn 2018-2021						Ghi chú
					Tổng số	Tỷ lệ	2018	2019	2020	2021	Tổng số	Tỷ lệ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
8	UBND huyện M'Drăk	102	102	10	0	0.0%	3	3	3	1	10	9.8%	
9	UBND huyện Ea Súp	101	101	10	0	0.0%	2	2	3	3	10	9.9%	
10	UBND huyện Krông Năng	104	101	10	3	2.9%	1	2	2	2	7	6.7%	
11	UBND huyện Krông Ana	107	103	11	4	3.7%	1	2	1	3	7	6.5%	
12	UBND huyện Cư M'Gar	108	105	11	3	2.8%	3	1	2	2	8	7.4%	
13	UBND huyện Krông Buk	107	104	11	3	2.8%	3	1	2	2	8	7.5%	
14	UBND huyện Buôn Đôn	105	104	11	1	1.0%	2	1	2	5	10	9.5%	
15	UBND huyện Ea Kar	112	107	11	5	4.5%	2	2	1	1	6	5.4%	

* Ghi chú: Liên hiệp các tổ chức hữu nghị; Liên hiệp hội Khoa học kỹ thuật và Văn phòng Ban ATGT được giao 10 biên chế công chức không thực hiện tinh giảm

CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH GIẢN BIẾN CHẾ VIÊN CHỨC GIAI ĐOẠN 2018-2021

Ban hành kèm theo Kế hoạch số 1874/KH-UBND ngày 15/3/2018 của UBND tỉnh

Stt	Cơ quan, đơn vị	Biên chế giao 2015	Biên chế giao 2016 và điều chỉnh 2017	Biên chế phải tinh giảm 10% giai đoạn 2015-2021	Số biên chế đã tinh giảm giai đoạn 2015-2017		Biên chế tinh giảm giai đoạn 2018-2021						Ghi chú	
					Tổng số	Tỷ lệ	2018	2019	2020	2021	Tổng số	Tỷ lệ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
	Tổng cộng	41,867	41,661	4,207	733	1.75%	664	736	934	1,146	3,480	8.31%		
I	Sở, ban, ngành	11,614	11,339	1,134	303	2.6%	132	139	287	293	851	7.3%		
1	Sở Giao thông Vận tải	40	40	2	0	0.0%	17		1	1	19	47.5%	Cắt 17 biên chế BQLDA Giao thông và 02 biên chế theo tỷ lệ của số lượng còn lại (23)	
2	Sở Xây dựng	5	5	1	0	0.0%					1	1	20.0%	
3	Sở Tài nguyên và Môi trường	150	279	28	1	0.4%	5	6	8	8	27	9.7%	Năm 2016 tiếp nhận TTPTQĐ và Văn phòng QLĐĐ; Năm 2016 giảm 01 tại QĐ số 3135/QĐ-UBND	
4	Sở Tài chính	0	0	0	0	0.0%	0	0	0	0	0	0.0%		
5	Sở Kế hoạch & Đầu tư	14	14	1	0	0.0%				1	1	7.1%		
6	Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch	334	326	33	8	2.4%		6	10	9	25	7.5%		
7	Sở Tư pháp	56	56	6	0	0.0%	2	1	1	2	6	10.7%		
8	Sở Công thương	37	36	4	1	2.7%				1	2	3	8.1%	
9	Sở Khoa học và Công nghệ	23	24	2	0	0.0%	1	1			2	2	8.7%	
10	Sở Lao động TB&XH	198	316	20	1	0.5%	3	6	6	4		19	9.6%	Năm 2017 tiếp nhận 119 biên chế từ Sở Giáo dục-Đào tạo chuyển
11	Sở Nông nghiệp và PTNT	268	618	62	0	0.0%	15	15	15	15	60	9.7%	Năm 2016 Giao cho các Ban QL.R là 350	
12	Sở Y tế	5,571	5,477	557	94	1.7%	40	50	180	193	463	8.3%		

Stt	Cơ quan, đơn vị	Biên chế giao 2015	Biên chế giao 2016 và điều chỉnh 2017	Biên chế phải tinh giảm 10% giai đoạn 2015-2021	Số biên chế đã tinh giảm giai đoạn 2015-2017		Biên chế tinh giảm giai đoạn 2018-2021						Ghi chú	
					Tổng số	Tỷ lệ	2018	2019	2020	2021	Tổng số	Tỷ lệ		
14	Sở Nội Vụ	6	16	2	0	0.0%					2	2	12.5%	
15	Sở Thông tin truyền thông	24	24	2	0	0.0%				1	1	2	8.3%	
16	Văn phòng HĐND	0	0	0	0							0		
17	Văn phòng UBND tỉnh	12	12	1	0	0.0%				1		1	8.3%	
18	Sở Ngoại vụ	6	6	1	0	0.0%				1		1	16.7%	
19	Thanh tra tỉnh	0	0	0	0							0		
20	Ban Dân tộc	0	0	0	0							0		
21	BQL các KCN tỉnh	18	18	2	0	0.0%					2	2	11.1%	
22	Văn phòng Ban ATGT	2	3	0	0							0	0.0%	
23	Sở Giáo dục & Đào tạo	4,850	4,069	410	198	4.1%	49	54	62	52	217	4.5%	- Năm 2015 đã giảm 166 biên chế tại Quyết định số 2867/QĐ-UBND và Năm 2016 giảm 32 biên chế tại Quyết định số 3135/QĐ-UBND - Năm 2017 chuyển TTGDTX, DTNT về các huyện; Dạy nghề về Sở Lao động TBXH (749)	
II	Đơn vị sự nghiệp	934	885	90	21	2.2%	9	14	10	24	57	6.1%		
1	Đài Phát thanh - Truyền hình	119	117	12	2	1.7%	1	2	3	3	9	7.6%		
2	Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật	124	120	12	4	3.2%	2	2	3	1	8	6.5%		
3	Trường Cao đẳng Y tế	57	57	6	0	0.0%	2	2		1	5	8.8%	Trường mới được thành lập năm 2017; được tách ra từ Sở Y tế	
4	Trường Cao đẳng sư phạm	174	166	18	8	4.6%		1	1	1	3	1.7%		
5	Trường Cao đẳng công nghệ Tây Nguyên	251	251	25	0	0.0%	4	6		13	23	9.2%		
6	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đắk Lắk	164	157	16	7	4.3%			1	3	5	9	5.5%	

Stt	Cơ quan, đơn vị	Biên chế giao 2015	Biên chế giao 2016 và điều chỉnh 2017	Biên chế phải tinh giảm 10% giai đoạn 2015-2021	Số biên chế đã tinh giảm giai đoạn 2015-2017		Biên chế tinh giảm giai đoạn 2018-2021						Ghi chú
					Tổng số	Tỷ lệ	2018	2019	2020	2021	Tổng số	Tỷ lệ	
7	Quỹ đầu tư phát triển	17	17	0	0	0.0%	0	0	0	0	0	0.0%	
8	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	28	0	0	0	0.0%	0	0	0	0	0	0.0%	Năm 2016 chuyển về cho Sở Tài nguyên & Môi trường
IV	Huyện, thị xã, thành phố	29,319	29,437	2,983	409	1.4%	523	583	637	829	2,572	8.8%	Năm 2016 và năm 2017 chuyển Trung tâm PTQĐ, Văn phòng ĐKĐĐ về Sở tài nguyên, Năm 2017 tiếp nhận TTGD TX & Đoàn tặc Nội trú từ Sở Giáo dục & Đào tạo
1	UBND TP. Buôn Ma Thuột	3,687	3,616	372	101	2.7%	68	56	63	83	270	7.3%	
2	UBND TX. Buôn Hồ	1,578	1,591	160	25	1.6%	20	20	22	75	137	8.7%	
3	UBND huyện Krông Pắc	3,641	3,662	368	26	0.7%	88	77	74	103	342	9.4%	
4	UBND huyện Cư Kuin	1,895	1,885	192	45	2.4%	10	35	43	59	147	7.8%	
5	UBND huyện Lắk	1,136	1,162	117	9	0.8%	29	27	26	26	108	9.5%	
6	UBND huyện Ea H'Leo	2,130	2,133	217	36	1.7%	44	46	44	46	180	8.5%	
7	UBND huyện Krông Bông	1,569	1,581	161	23	1.5%	14	34	41	49	138	8.8%	
8	UBND huyện M'Đrăk	1,327	1,353	137	9	0.7%	23	27	34	44	128	9.6%	
9	UBND huyện Ea Súp	1,573	1,598	161	8	0.5%	20	29	37	66	152	9.7%	
10	UBND huyện Krông Năng	2,019	2,049	207	12	0.6%	54	47	47	47	195	9.7%	
11	UBND huyện Krông Ana	1,526	1,532	156	25	1.6%	23	32	35	41	131	8.6%	
12	UBND huyện Cư M'Gar	2,780	2,783	282	41	1.5%	58	59	62	61	240	8.6%	
13	UBND huyện Krông Buk	1,032	1,039	104	8	0.8%	23	21	28	24	96	9.3%	
14	UBND huyện Buôn Đôn	1,287	1,311	132	9	0.7%	18	28	29	48	123	9.6%	
15	UBND huyện Ea Kar	2,139	2,142	217	32	1.5%	31	45	52	57	185	8.6%	

* Ghi chú: Các Hội đặc thù được giao 112 biên chế (cấp tỉnh được giao là 72 và cấp huyện được giao là 40), trong giai đoạn 2018-2021 sẽ tách ra khỏi tổng số biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh và thực hiện tinh giảm theo Công văn số 6480/BNV-TCBC ngày 11/12/2017 của Bộ Nội vụ.



Phạm Ngọc Nghị